

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành “Mức thu Học phí lớp Ôtô hạng B, hạng C1”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 802/2015/QĐ.LĐTĐ, ngày 16 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-CĐNVL, ngày 26/2/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long;

Căn cứ nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính Phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Biên bản cuộc họp giữa Ban giám hiệu, Phòng QLĐT&CTHSSV, Phòng Tài chính kế toán, Khoa giao thông vận tải ngày 15/12/2025.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng trường số 1012/NQ-HĐT, ngày 24 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ vào dự toán thu chi hoạt động dịch vụ dạy nghề ngắn hạn lớp Ôtô hạng B ngày 24/12/2025 của Khoa Giao thông vận tải;

Căn cứ vào dự toán thu chi hoạt động dịch vụ dạy nghề ngắn hạn lớp Ôtô hạng C1 ngày 24/12/2025 của Khoa Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Mức thu Học phí lớp Ôtô hạng B, hạng C1” cụ thể như sau:

- Học phí lớp Ôtô hạng B là: **17.000.000đ**/học viên.
- Học phí lớp Ôtô hạng B dành cho đối tượng sinh viên là: **15.000.000đ**/học viên.
- Học phí lớp Ôtô hạng C1 là: **19.000.000đ**/học viên.

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng khoa Giao thông vận tải và Trưởng các phòng, khoa, trung tâm có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- BGH;
- Các phòng, khoa, trung tâm;
- Lưu: VT, TC-KT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

ThS. Huỳnh Minh Hiệp

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 12 năm 2025

DỰ TOÁN LỚP ÔTÔ HẠNG C1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1021/QĐ-CĐNVL, ngày 25/12/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
I	<u>Thông tin lớp học</u>					
1	Số lượng học viên cho 1 lớp học	Học viên	8			
2	Thời gian học					
	Số giờ học lý thuyết	Giờ	152			
	Số giờ học thực hành	Giờ	243			
3	Số lượng Giáo viên cho 1 khóa		2			
4	Số lượng xe		1			
5	Diện tích Phòng học lý thuyết (m2)		60			
6	Bộ máy vi tính (KH 8 năm)			228.054.000		
7	Diện tích Sân tập lái xe (m2)		2914			
II	<u>Tổng thu của 1 khóa</u>		8	19.000.000	152.000.000	
III	<u>Tổng chi của một khóa học</u>	đồng			<u>136.395.748</u>	
1	Thuế TNDN			DT*2%	3.040.000	
2	Chi VPP, mực in				500.000	

3	Hoa hồng cho người tìm nguồn	hv	8	200.000	1.600.000	
4	Chi thù lao giáo viên				42.654.615	
a	Chi phí của giáo viên dạy lý thuyết	đồng			15.715.365	
	<i>Lương (3,99*2.340.000đ*1 người*1 tháng)</i>				9.336.600	
	<i>Phụ cấp chức vụ</i>					
	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>				2.800.980	
	<i>Phụ cấp thâm niên</i>				1.120.392	
	<i>Các khoản đóng góp (BHXH,.....)</i>				2.457.393	
b	Chi phí của giáo viên dạy thực hành	đồng			26.939.250	
	<i>Lương (1 người*3*2.340.000đ*2,5 tháng)</i>				17.550.000	
	<i>Phụ cấp chức vụ</i>					
	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>				5.265.000	
	<i>Phụ cấp thâm niên</i>					
	<i>Các khoản đóng góp (BHXH,.....)</i>				4.124.250	
5	Chi phí nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động đào tạo				33.792.000	
	Nhiên liệu (160 lít/hv*8 hv = 1.280 lít)		1280	24.000	30.720.000	
	Nhớt (2%* 1.280 lít = 25,6 lít)		25,6	120.000	3.072.000	
6	Chi phí khác				34.500.450	
a	Sửa chữa xe	xe	1	13.000.000	13.000.000	

b	Bảo hiểm xe: xe 5 chỗ: 6.304.200đ/năm/xe, xe tải 5 tấn: 2.221.200đ/năm/xe => trung bình: 4.262.700đ/năm/xe => 2 tháng 710.450đ/ xe	xe	1	710.450	710.450	
c	Điện 4.000.000đ/ tháng, nước 1.000.000đ/ tháng	tháng	1,5	5.000.000	7.500.000	
d	Điện thoại phục vụ liên hệ với các cơ quan ban ngành, học viên	tháng	1,5	100.000	150.000	
e	Thuê mướn vệ sinh phòng học, sân bãi đào tạo	tháng	1,5	3.960.000	5.940.000	
f	Công tác phí, xăng xe đi thi sát hạch				2.640.000	
	<i>Công tác phí đi phục vụ kỳ thi sát hạch tại Cần Thơ (2 ngày *150.000đ * 4 người)</i>	lần	1	1.200.000	1.200.000	
	<i>Xăng xe đoàn đi thi (và về) 200km (30 lít xăng)</i>	lần	2	720.000	1.440.000	
g	Chi phí khác		DT*3%		4.560.000	
7	Thuê thiết bị giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo				375.000	
	Thuê bao internet (1.500.000đ/xe/năm => 3 tháng 375.000đ/xe)	xe	1	375.000	375.000	
8	Khấu hao				12.333.683	
a	Xe tập lái (32.378.181đ/năm), 2 tháng là 5.396.364đ	xe	1	5.396.364	5.396.364	
b	Thiết bị giám sát hành trình dạy thực hành (24.555.184đ/1 năm/16 xe, 1 xe = 1.534.700đ/năm => 2 tháng 255.783đ/xe)	xe	1	255.783	255.783	
c	Phòng học lý thuyết 1 tháng 534.168đ	tháng	2	534.168	1.068.336	
d	Khấu hao cabin xe (347.900.000đ/5 năm, 1 năm 69.580.000đ/16 xe, 4.348.800đ/xe/12 tháng= 362.400đ/xe/ tháng => 2 tháng = 724.800đ/ xe	xe	1	724.800	724.800	

e	Máy tính phòng học 25 bộ = 234.641.000đ, kh 8 năm, 1 năm 29.330.500đ, 1 tháng 2.444.200đ	tháng	2	2.444.200	4.888.400	
9	Chi phí cho cán bộ quản lý phục vụ	đồng	5%*DT		7.600.000	
IV	Chênh lệch thu - chi	đồng			15.604.252	10,27%
	Trong đó:					
	Trích 40% dùng bổ sung quỹ cải cách lương				6.241.701	
	Trích 60% dùng bổ sung quỹ hoạt động				9.362.551	

TRƯỞNG KHOA

PHÒNG QLĐT&CTHSSV

PHÒNG TC-KT

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Thanh Tâm

Lê Văn Tân

Trần Thị thúy Diễm

ThS. Huỳnh Minh Hiệp

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 12 năm 2025

DỰ TOÁN LỚP ÔTÔ HẠNG B

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1021/QĐ-CĐNVL, ngày 25/12/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	<u>Thông tin lớp học</u>					
1	Số lượng học viên cho 1 lớp học	Học viên	30			
2	Thời gian học					
	Số giờ học lý thuyết	Giờ	152			
	Số giờ học thực hành	Giờ	1008			
3	Số lượng Giáo viên cho 1 khóa		7			
4	Số lượng xe		6			
5	Diện tích Phòng học lý thuyết (m2)		60			
6	Bộ máy vi tính (KH 8 năm)			228.054.000		
7	Diện tích Sân tập lái xe (m2)		2914			
II	<u>Tổng thu của 1 khóa</u>		30	17.000.000	510.000.000	
III	<u>Tổng chi của một khóa học</u>	đồng			<u>438.959.541</u>	
1	Thuế TNDN			DT*2%	10.200.000	

2	Chi VPP, mực in, giấy in				1.000.000	
3	Chi hoa hồng cho người tìm nguồn		30	200.000	6.000.000	
4	Chi thù lao giáo viên				145.784.265	
a	Chi phí của giáo viên dạy lý thuyết	đồng			16.475.865	
	<i>Lương (1 người *3.99*2.340.000*1 tháng)</i>				9.336.600	
	<i>Phụ cấp chức vụ</i>				585.000	
	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>				2.976.480	
	<i>Phụ cấp thâm niên</i>				1.120.392	
	<i>Vượt giờ</i>		100,00	35.000		
	<i>Các khoản đóng góp (BHXH,.....)</i>			-	2.457.393	
b	Chi phí của giáo viên dạy thực hành	đồng			129.308.400	
	<i>Lương (6 người*3,0*2.340.000*2 tháng)</i>				84.240.000	
	<i>Phụ cấp chức vụ</i>					
	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>				25.272.000	
	<i>Phụ cấp thâm niên</i>					
	<i>Các khoản đóng góp (BHXH,.....)</i>				19.796.400	
5	Chi phí nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động đào tạo				99.000.000	
	Nhiên liệu (125 lít * 30 hv = 3.750 lít)		3.750	24.000	90.000.000	
	Nhớt 2% * 3.750 = 75 lít		75	120.000	9.000.000	
6	Chi phí khác				114.619.002	
a	Sửa chữa, bảo trì xe (6 xe)	đồng	6	13.000.000	78.000.000	

b	Bảo hiểm xe				4.939.002	
	xe 5 chỗ: 4.939.000đ/năm/xe, 2 tháng 823.167đ/ xe	xe	6	823.167	4.939.002	
c	Điện, nước				7.500.000	
	<i>Điện</i>	tháng	1,5	4.000.000	6.000.000	
	<i>Nước</i>	tháng	1,5	1.000.000	1.500.000	
d	Điện thoại liên hệ các cơ quan ban ngành, học viên	đồng	1,5	100.000	150.000	
e	Thuê mượn vệ sinh phòng học, sân tập (3.960.000/tháng)	tháng	1,5	3.960.000	5.940.000	
f	Công tác phí đi thi sát hạch				2.790.000	
	<i>Công tác phí đi phục vụ kỳ thi sát hạch tại Cần Thơ (1 ngày * 150.000đ * 9 người)</i>	lần	1	1.350.000	1.350.000	
	<i>Xăng xe đoàn đi thi (và về) 200km (30 lít xăng)</i>	lần	2	720.000	1.440.000	
g	Khác		3%* Tổng thu		15.300.000	
7	Thuê thiết bị giảng dạy, cơ sở VC phục vụ đào tạo				1.500.000	
	Thuê bao internet (1.500.000đ/năm/xe, 2 tháng là 250.000đ/xe)	xe	6	250.000	1.500.000	
8	Khấu hao				35.356.274	
a	Xe tập lái $(304.600.000 + 400.530.000)/2 = 352.565.000$ năm*6,67% = 23.516.086/năm, 2 tháng là 3.919.348đ/xe	xe	6	3.919.348	23.516.088	
b	Thiết bị giám sát hành trình dạy thực hành (tổng giá trị 245.551.840đ. KH 10 năm => 24.555.184đ/năm (16 xe) => 1 xe 2 tháng = 255.783đ.	xe	6	255.783	1.534.698	

c	Phòng học lý thuyết 160.250.406đ/phòng/năm, 534.168đ/tháng	tháng	2	534.168	1.068.336	
d	Khấu hao ca bin xe (347.900.000đ/5 năm, 1 năm 69.580.000đ/16 xe, 4.348.800đ/xe/12 tháng = 362.400đ/xe/tháng => 2 tháng = 724.792đ/xe	xe	6	724.792	4.348.752	
e	Máy tính phòng học 25 bộ = 234.641.000đ, KH 8 năm => 1 năm = 29.330.500đ => 1 tháng = 2.444.200đ	tháng	2	2.444.200	4.888.400	
9	Chi phí cho cán bộ quản lý phục vụ	đồng	5%*DT		25.500.000	
IV	Chênh lệch thu - chi	đồng			71.040.459	13,93%
	Trong đó:					
	Cải cách lương 40%				28.416.184	
	Bổ sung hoạt động 60%				42.624.275	

TRƯỞNG KHOA

PHÒNG QLĐT&CTHSSV

PHÒNG TC-KT

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Thanh Tâm

Lê Văn Tân

Trần Thị thúy Diễm

ThS. Huỳnh Minh Hiệp

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 12 năm 2025

DỰ TOÁN LỚP ÔTÔ HẠNG B (ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1021/QĐ-CDNVL, ngày 25/12/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Vĩnh Long)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	<u>Thông tin lớp học</u>					
1	Số lượng học viên cho 1 lớp học	Học viên	30			
2	Thời gian học					
	Số giờ học lý thuyết	Giờ	152			
	Số giờ học thực hành	Giờ	1008			
3	Số lượng Giáo viên cho 1 khóa		7			
4	Số lượng xe		6			
5	Diện tích Phòng học lý thuyết (m2)		60			
6	Bộ máy vi tính (KH 8 năm)			228.054.000		
7	Diện tích Sân tập lái xe (m2)		2914			
II	<u>Tổng thu của 1 khóa</u>		30	15.000.000	450.000.000	
III	<u>Tổng chi của một khóa học</u>	đồng			<u>404.699.709</u>	
1	Thuế TNDN			DT*2%	9.000.000	
2	Chi VPP, mực in, giấy in				1.000.000	

3	Chi thù lao giáo viên				137.024.433	
a	Chi phí của giáo viên dạy lý thuyết	đồng			7.716.033	
	<i>Lương (1 người*2,67*2.340.000*1 tháng)</i>				6.247.800	
	<i>Phụ cấp chức vụ</i>					
	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>					
	<i>Phụ cấp thâm niên</i>					
	<i>Vượt giờ</i>					
	<i>Các khoản đóng góp (BHXH,.....)</i>				1.468.233	
b	Chi phí của giáo viên dạy thực hành	đồng			129.308.400	
	<i>Lương (6 người*3,0*2.340.000*2 tháng)</i>				84.240.000	
	<i>Phụ cấp chức vụ</i>					
	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>				25.272.000	
	<i>Phụ cấp thâm niên</i>					
	<i>Các khoản đóng góp (BHXH,.....)</i>				19.796.400	
4	Chi phí nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động đào tạo				99.000.000	
	Nhiên liệu (125 lít * 30 hv = 3.750 lít)		3.750	24.000	90.000.000	
	Nhớt 2% * 3.750 = 75 lít		75	120.000	9.000.000	
5	Chi phí khác				108.319.002	
a	Sửa chữa, bảo trì xe (6 xe)	đồng	6	13.000.000	78.000.000	
b	Bảo hiểm xe				4.939.002	

	xe 5 chỗ: 4.939.000đ/năm/xe, 2 tháng 823.167đ/ xe	xe	6	823.167	4.939.002	
c	Điện, nước				7.500.000	
	Điện	tháng	1,5	4.000.000	6.000.000	
	Nước	tháng	1,5	1.000.000	1.500.000	
d	Điện thoại liên hệ các cơ quan ban ngành, học viên	đồng	1,5	100.000	150.000	
e	Thuê mướn vệ sinh phòng học, sân tập (3.960.000/tháng)	tháng	1,5	3.960.000	5.940.000	
f	Công tác phí đi thi sát hạch				2.790.000	
	<i>Công tác phí đi phục vụ kỳ thi sát hạch tại Cần Thơ (1 ngày *150.000đ * 9 người)</i>	lần	1	1.350.000	1.350.000	
	<i>Xăng xe đoàn đi thi (và về) 200km (30 lít xăng)</i>	lần	2	720.000	1.440.000	
g	Khác		2%* Tổng thu		9.000.000	
6	Thuê thiết bị giảng dạy, cơ sở VC phục vụ đào tạo				1.500.000	
	Thuê bao internet (1.500.000đ/năm/xe, 2 tháng là 250.000đ/xe)	xe	6	250.000	1.500.000	
7	Khấu hao				35.356.274	
a	Xe tập lái $(304.600.000 + 400.530.000)/2 = 352.565.000$ năm*6,67% = 23.516.086/năm, 2 tháng là 3.919.348đ/xe	xe	6	3.919.348	23.516.088	
b	Thiết bị giám sát hành trình dạy thực hành (tổng giá trị 245.551.840đ. KH 10 năm => 24.555.184đ/năm (16 xe) => 1 xe 2 tháng = 255.783đ.	xe	6	255.783	1.534.698	

c	Phòng học lý thuyết 160.250.406đ/phòng/năm, 534.168đ/tháng	tháng	2	534.168	1.068.336	
d	Khấu hao ca bin xe (347.900.000đ/5 năm, 1 năm 69.580.000đ/16 xe, 4.348.800đ/xe/12 tháng = 362.400đ/xe/tháng => 2 tháng = 724.792đ/xe	xe	6	724.792	4.348.752	
e	Máy tính phòng học 25 bộ = 234.641.000đ, KH 8 năm => 1 năm = 29.330.500đ => 1 tháng = 2.444.200đ	tháng	2	2.444.200	4.888.400	
8	Chi phí cho cán bộ quản lý phục vụ	đồng	3%*DT		13.500.000	
IV	<u>Chênh lệch thu - chi</u>	đồng			45.300.291	10,07%
	Trong đó:					
	Cải cách lương 40%				18.120.116	
	Bổ sung hoạt động 60%				27.180.175	

TRƯỞNG KHOA

PHÒNG QLĐT&CTHSSV

PHÒNG TC-KT

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Thanh Tâm

Lê Văn Tân

Trần Thị thúy Diễm

ThS. Huỳnh Minh Hiệp